

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của ngành Y tế.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm, Sở Y tế Bình Định báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022 như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

A. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành và chính quyền các địa phương; với tinh thần nỗ lực phấn đấu của tập thể công chức, viên chức, người lao động; năm 2021, ngành Y tế đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu về y tế - dân số do Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao, đó là:

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 95,2% (*kế hoạch: 94%*).
- Duy trì mức sinh thay thế; tỷ suất sinh thô đạt 10,74‰.
- Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ công tác: 100% (*kế hoạch: 100%*).
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế: 100% (*kế hoạch: 100%*).
- Giường bệnh kế hoạch thuộc tỉnh quản lý/ vạn dân: 28,7 giường (*kế hoạch: 28,5*).
- Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 8,1 % (*kế hoạch: < 8,1%*).

Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác của Ngành như sau:

I. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG

- Tổ chức tốt hoạt động phổ biến, tuyên truyền và giáo dục pháp luật; tăng cường quán triệt và chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tuân thủ chấp hành, nghiêm túc thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế - dân số.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, phong trào thi đua trong toàn Ngành về các chủ đề: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Cải cách hành chính mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; Dân chủ trong các hoạt động tại cơ sở; Quy tắc ứng xử và

đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; Cơ sở y tế “xanh, sạch, đẹp”; Giảm thiểu chất thải nhựa sử dụng 1 lần và tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải;... nhằm hướng tới sự hài lòng, tin tưởng của người bệnh và người dân đối với ngành Y tế.

- Định kỳ thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh và của nhân viên y tế tại các cơ sở y tế. Duy trì hoạt động “*đường dây điện thoại nóng*”, “*hòm thư góp ý*” để tiếp nhận và giải quyết kịp thời vướng mắc, kiến nghị của người dân về cung ứng dịch vụ và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, hành vi tiêu cực.

- Đại đa số công chức, viên chức, người lao động trong Ngành đều an tâm công tác, làm việc; có quan điểm, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững khối đoàn kết thống nhất nội bộ; đạo đức, tinh thần trách nhiệm, phong cách và thái độ phục vụ có nhiều chuyển biến tích cực;... góp phần nâng cao mức độ hài lòng, tin tưởng của người bệnh và nhân dân.

II. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ Y TẾ

1. Về chỉ đạo, điều hành của Sở Y tế và cải cách hành chính mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện tốt việc tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả nhiều văn bản quan trọng của tỉnh để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân. Đặc biệt là triển khai các giải pháp, phương án phòng chống, kiểm soát dịch bệnh COVID-19; triển khai công tác y tế phục vụ kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Chủ động báo cáo và đề xuất các nhiệm vụ công tác của Ngành để Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; đồng thời tích cực triển khai các giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Ngành.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác đạt hiệu quả; tiếp tục cải tiến các quy trình chuyên môn và triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các thủ tục hành chính trong phục vụ, cung ứng dịch vụ y tế đến người dân.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động khám chữa bệnh, dự phòng, quản lý sức khỏe điện tử công dân, thanh toán chi phí các dịch vụ y tế, đấu thầu. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật và thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại một số đơn vị trực thuộc.

- Kịp thời cập nhật, công khai và thực hiện các thủ tục hành chính đúng theo quy định; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính. Áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO-9001: 2015 vào kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế. Duy trì tốt việc quản lý chứng thư số, sử dụng ký số trên hệ thống văn phòng điện tử liên thông.

- Công tác phòng, chống thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu được chú

trọng, chủ động triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời với các tình huống. Hoạt động quân - dân y kết hợp trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, khắc phục hậu quả thiên tai và tổ chức khám sơ tuyến, khám tuyến nghĩa vụ quân sự được thực hiện tốt.

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy

- Toàn ngành hiện có: 03 đơn vị quản lý hành chính (*Sở Y tế, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình*) và 21 đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó có 03 đơn vị do NSNN đảm bảo chi thường xuyên (*TT Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm; TT Pháp y; TT Giám định y khoa*), 03 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (*Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn*) và 15 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức mạng lưới các đơn vị trực thuộc và sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong từng đơn vị, cơ sở y tế theo hướng hợp nhất, sáp nhập các khoa, phòng có biên chế dưới 05 người, cụ thể:

+ Trung tâm y tế thị xã Hoài Nhơn: Hợp nhất phòng Kế hoạch tổng hợp và phòng Điều dưỡng thành Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng; Hợp nhất khoa Dược và khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Kỹ thuật trang thiết bị y tế thành khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế và Kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Trung tâm y tế huyện Tây Sơn: Hợp nhất phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và phòng Điều dưỡng thành phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng.

+ Trung tâm y tế huyện Phù Mỹ: Giải thể khoa Dinh dưỡng; chức năng khoa Dinh dưỡng giao về cho Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS - Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm.

+ Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thạnh: thành lập Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế và Kiểm soát nhiễm khuẩn trên cơ sở hợp nhất Khoa Dược và bộ phận Kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức tại các đơn vị trực thuộc.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt 149 hợp đồng lao động dưới 12 tháng đối với vị trí việc làm là viên chức y tế của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế năm 2021 theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

- Ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý cấp khoa, phòng tại các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2020-2025. Hoàn thành phê duyệt khung danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp tuyển tỉnh trực thuộc Sở Y tế.

- Triển khai kịp thời thủ tục bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn; phụ cấp thu hút, ưu đãi nghề; điều chỉnh chức danh nghề nghiệp phù hợp với vị trí việc làm,... cho công chức, viên chức y tế đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

3. Về thực hiện chính sách bảo hiểm y tế

- Phối hợp BHXH tỉnh tham mưu đề xuất HĐND, UBND tỉnh triển khai các giải pháp phát triển BHYT toàn dân; giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia

BHYT năm 2021 cho các địa phương.

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở y tế tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi người bệnh có thẻ BHYT; cung cấp dữ liệu khám chữa bệnh phục vụ tính toán quỹ định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan (DRG) lên hệ thống hỗ trợ ra quyết định phương thức chi trả của Bộ Y tế.

- Phối hợp BHYT tỉnh giám sát, kiểm tra công tác khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại một số cơ sở y tế; hướng dẫn và liên thông dữ liệu phục vụ cho khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí BHYT đối với các bệnh nhân nghi nhiễm và bị nhiễm COVID-19.

- Số người tham gia BHYT trong tỉnh: 1.418.960, đạt tỷ lệ 95,2% dân số, vượt chỉ tiêu HĐND, UBND tỉnh giao (94,0%).

- Thực hiện việc cập nhật dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử công dân để phục vụ công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; có 98,0% dân số được cập nhật thông tin cơ bản vào hồ sơ sức khỏe điện tử.

4. Quản lý y tế ngoài công lập

- Kịp thời phổ biến các văn bản pháp luật cho đối tượng hành nghề ngoài công lập. Tạo điều kiện thuận lợi để y tế ngoài công lập phát triển, cung ứng dịch vụ tư vấn, chăm sóc y tế cho người dân, góp phần giảm quá tải các bệnh viện công lập; đi đôi với tăng cường việc giám sát, kiểm tra nhằm phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời những sai sót, lệch lạc của các cá nhân, cơ sở hành nghề.

- Tổ chức thẩm định, cấp mới, cấp bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động chuyên môn và gia hạn các loại chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề, giấy phép hoạt động cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, các cơ sở phân phối, kinh doanh thuốc chữa bệnh ngoài công lập. Cụ thể:

- + Cấp mới 175 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn của 86 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn của 18 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; cấp lại 14 chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh.

- + Cấp mới và cấp lại 201 Chứng chỉ hành nghề dược, 179 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, 214 Giấy chứng nhận “Thực hành tốt nhà thuốc - GPP”, 06 Giấy chứng nhận “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP”.

- Lũy kế số cơ sở hành nghề ngoài công lập được cấp phép: 1.639 (y: 596, y học cổ truyền: 157, dược: 886); tăng 99 cơ sở so với năm 2020.

5. Bảo vệ môi trường và quản lý chất thải y tế

- Kịp thời phổ biến, đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải y tế.

- Phát động, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Tuần lễ Biển và Hải đảo, Tháng hành động vì môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...

- Thực hiện thiết kế, in ấn và cấp phát cho các cơ sở y tế trong tỉnh 4.000 áp phích với chủ đề “*Nói KHÔNG với chất thải nhựa sử dụng 1 lần; nói KHÔNG với túi nilon khó phân hủy*”.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng, giảm phát sinh chất thải để hạn chế ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng các loại chất thải không nguy hại. Tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng các thiết bị có bức xạ, các loại thuốc, hóa chất có gốc phóng xạ dùng trong y tế.

- Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn và theo dõi, giám sát hoạt động quản lý các loại chất thải y tế trên địa bàn tỉnh; nhất là việc phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời và xử lý triệt để chất thải có nguy cơ nhiễm SARS-CoV-2 tại các bệnh viện, các cơ sở cách ly y tế tập trung, các chốt kiểm dịch, các điểm lấy mẫu xét nghiệm tầm soát dịch COVID-19, các điểm tiêm chủng vắc xin. Đảm bảo 100% chất thải y tế phát sinh hàng ngày được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

III. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN CHỦ YẾU

1. Về công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19

a) Tình hình dịch bệnh:

- Từ ngày 29/6/2021 (*ngày phát hiện ca bệnh đầu tiên tại tỉnh của đợt dịch thứ 4 trong toàn quốc*) đến ngày 17/01/2022:

+ Toàn tỉnh phát hiện 26.830 ca mắc COVID-19; trong đó có 20.012 ca lây nhiễm cộng đồng (74,6%).

+ Số điều trị khỏi: 20.895 người (77,88%), số tử vong: 107 người (0,40%).

+ Số đang cách ly, điều trị 5.828 người (tỷ lệ 21,72%); trong đó có 4.670 người đang được quản lý, điều trị tại nhà, nơi cư trú.

+ Số đang cách ly tại nhà/nơi lưu trú: 10.570 trường hợp.

- Tiếp nhận 2.486.416 liều vắc xin. Tổ chức tiêm 2.077.985 liều vắc xin cho người từ 18 tuổi trở lên, trong đó có 1.046.250/1.050.845 người được tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin (tỷ lệ bao phủ 99,6%); 976.104 người được tiêm chủng đủ mũi vắc xin (tỷ lệ 92,9%). Tiêm mũi vắc xin nhắc lại cho 64.282 người. Tổ chức tiêm 139.054 liều vắc xin mũi 1 cho trẻ em từ 12 đến 17 tuổi (tỷ lệ 96,5%); 23.744 trẻ đã được tiêm chủng đủ 2 mũi đạt tỷ lệ 16,5 %.

b) Hoạt động chỉ đạo, điều hành:

- Sở Y tế đã tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác phòng chống dịch trên địa bàn tỉnh; đã phát huy vai trò là cơ quan thường trực trong triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời, phù hợp theo diễn biến của dịch bệnh. Phối hợp tốt với các sở, ban, ngành và các địa phương trong triển khai hoạt động phòng chống dịch.

- Sở Y tế đã thực hiện chỉ đạo tốt công tác chuyên môn về phòng chống dịch, đảm bảo công tác phòng chống dịch được thực hiện nhanh chóng, đồng bộ, hiệu quả với sự quyết tâm cao nhất của toàn bộ lực lượng y tế trong ngành.

- Lãnh đạo Sở Y tế đã thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, hỗ trợ công tác phòng chống dịch tại các địa phương, tại các chốt kiểm tra y tế, các khu cách ly tập trung, các cơ sở y tế.

- Tổ chức 02 đoàn nhân viên y tế hỗ trợ phòng chống dịch tại tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của Bộ Y tế.

c) Hoạt động giám sát, cách ly, khoanh vùng dập dịch:

- Sở Y tế đã phối hợp, hướng dẫn các địa phương từng bước thực hiện tốt hơn các quy định về giãn cách theo hướng chủ động, linh hoạt và theo đánh giá, phân loại khu vực nguy cơ để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 tương ứng với mức độ nguy cơ.

- Khi có F0 xuất hiện, lực lượng y tế phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an và chính quyền địa phương khẩn trương thực hiện các biện pháp truy vết để nhanh chóng xác định nguồn lây, xác định F1, F2 để tiến hành xét nghiệm và cách ly theo hướng dẫn của Bộ Y tế và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; triển khai cách ly F1 và cách ly điều trị F0 tại nhà theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Ngành y tế đã thực hiện giám sát dịch tễ các điểm nguy cơ thường xuyên và định kỳ để đánh giá các yếu tố nguy cơ về sự xuất hiện của dịch bệnh từ đó đưa ra các quyết định xử lý phù hợp.

- Ngành Y tế phối hợp với các địa phương tăng cường giám sát, quản lý việc thực hiện cách ly và xét nghiệm cho các đối tượng thực hiện cách ly tập trung, cách ly tại nhà đảm bảo đúng quy định; tuyệt đối không để lây nhiễm chéo trong khu cách ly tập trung và hạn chế đến mức thấp nhất việc lây nhiễm trong gia đình khi cách ly tại nhà. Đến nay tỉnh đã đã tổ chức cách ly tập trung cho 19.559 người (khu cách ly Quân đội: 8.140 người, khu cách ly dân sự: 11.419 người); cách ly tại nhà cho 218.597 người.

- Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai xét nghiệm theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế, Ban Chỉ đạo tỉnh đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và chính xác phục vụ cho công tác phòng chống dịch. Tranh thủ sự hỗ trợ của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và Côn trùng Quy Nhơn trong thực hiện xét nghiệm nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu về phòng chống dịch. Việc xét nghiệm đã được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các vùng/địa bàn, đối tượng có nguy cơ cao, người có các triệu chứng nghi ngờ nhiễm SARS-CoV-2, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Triển khai hướng dẫn tự test nhanh và khuyến khích người dân tự xét nghiệm bằng test nhanh để theo dõi sức khỏe của bản thân.

d) Hoạt động tiếp nhận, thu dung điều trị bệnh nhân COVID-19:

- Các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tăng cường năng lực thực hiện việc thu dung, điều trị người bệnh COVID-19 đảm bảo chất lượng, giảm tối đa biến chứng nặng và hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp tử vong. Thực hiện đảm bảo việc phân tầng điều trị tại các cơ sở y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Đảm bảo các điều kiện về trang thiết bị y tế, nhân lực để điều trị cho người bệnh thể vừa và nặng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn. Phối hợp với chính quyền địa phương để tổ chức các cơ sở thu dung điều trị mở rộng của các Trung tâm y tế.

- Ngành Y tế thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung, tăng cường thiết lập cơ sở thu dung, điều trị và bảo đảm số giường hồi sức cấp cứu (ICU) để sẵn sàng đáp ứng tình hình dịch ở cấp độ 4; Triển khai mô hình chăm sóc, điều trị F0 tại nhà và thiết lập trạm y tế lưu động tại các địa phương.

- Ngành Y tế tích cực phối hợp với các địa phương tiếp tục xây dựng và

thiết lập các trạm y tế lưu động, tổ chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại cộng đồng và kế hoạch cung cấp ô xy y tế cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn để đáp ứng khi có dịch xảy ra. Số trạm y tế lưu động đã thành lập đến nay là 83 Trạm.

e) Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Sở Y tế đã phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương để triển khai kế hoạch tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 theo kế hoạch, đảm bảo phương châm “an toàn, nhanh chóng, hiệu quả, đúng đối tượng”; tổ chức tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai, người trên 50 tuổi và trên 65 tuổi, trẻ em từ 12 đến 17 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Các địa phương trong tỉnh đã chỉ đạo, triển khai các lực lượng để hỗ trợ y tế trong việc tiêm vắc xin tại các điểm tiêm ngoài bệnh viện, tại trường học, tại nhà.

g) Triển khai Chương trình thí điểm điều trị có kiểm soát COVID-19 bằng thuốc Molnupiravir:

- Số thuốc Molnupiravir 200mg được cấp 105.000 viên, số thuốc xuất cho các đơn vị 93.200 viên, đạt tỷ lệ 89%, số thuốc bệnh nhân đã sử dụng 67.000 viên.

- Số bệnh nhân tham gia Chương trình 1.675, trong đó hoàn thành Chương trình 1.335 (sau 5 ngày điều trị, tỷ lệ bệnh nhân cho kết quả âm tính hoặc có Ct ≥ 30 là 70%), số bệnh nhân đang trong liệu trình điều trị là 340.

- Chương trình thí điểm điều trị đạt kết quả tốt, sau 9 ngày hoặc 14 ngày dùng thuốc tỷ lệ bệnh nhân xét nghiệm lại cho kết quả âm tính hoặc có Ct ≥ 30 là 95%. Chưa có bệnh nhân gặp biến cố bất lợi hay dị ứng thuốc, giảm thiểu tỷ lệ bệnh nhân chuyển nặng.

2. Y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật

- Duy trì tốt hoạt động điều tra, giám sát dịch tễ, kiểm dịch và quản lý đối tượng có nguy cơ; tăng cường dự báo và giáo dục về phòng, chống dịch bệnh tại cộng đồng; chuẩn bị sẵn sàng thuốc, hóa chất, nhân lực, trang thiết bị và chủ động kịp thời, quyết liệt triển khai các giải pháp phòng, chống các loại dịch bệnh.

- Các nhiệm vụ, hoạt động về y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật và chương trình mục tiêu y tế - dân số trong năm được triển khai nghiêm túc; hầu hết các hoạt động được duy trì thực hiện đúng tiến độ, đạt chỉ tiêu đề ra. Cụ thể:

+ Giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh, loại trừ bệnh phong quy mô cấp tỉnh. Một số bệnh lây nhiễm nguy hiểm như: cúm tuýp A ở người, bệnh do vi rút Zika, dịch hạch,... không có ca mắc.

+ Triển khai tích cực và quyết liệt các giải pháp để không chế, ngăn chặn kịp thời các loại dịch bệnh; hạn chế tối đa số người mắc và tử vong. Các bệnh cúm A (H1N1, H5N1, H7N9), Tiêu chảy cấp nguy hiểm, Bạch hầu không ghi nhận ca mắc. Số mắc các bệnh truyền nhiễm khác trong giới hạn cho phép.

+ Giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh.

+ Bệnh Sốt xuất huyết năm 2021 toàn tỉnh ghi nhận 931⁽¹⁾ trường hợp mắc, giảm đáng kể so với năm 2020 (7.295 ca), đạt 63,0/ 100.000 dân (kế hoạch ≤ 400 /

¹ (Quy Nhơn: 191; Tuy Phước: 132; An Nhơn: 60; Phù Cát: 57; Phù Mỹ: 119; Hoài Nhơn: 76; Hoài Ân: 134; Tây Sơn: 81; Vân Canh: 54; Vĩnh Thạnh: 24; An Lão: 03)

100.000 dân); số trường hợp tử vong: 0.

+ Bệnh tay - chân - miệng: Số trường hợp mắc 308 (*Quy Nhơn: 51; Tuy Phước: 30; An Nhơn: 22; Phù Cát: 41; Phù Mỹ: 27; Hoài Nhơn: 52; Hoài Ân: 08; Tây Sơn: 47; Vân Canh: 30*), giảm 149 so với năm 2020. Tử vong: 0.

+ Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ vaccin đạt 98,0% (*kế hoạch: 98,0%*), thấp hơn năm 2020 (98,5%). Tỷ lệ phụ nữ đẻ được tiêm đủ liều vaccin phòng uốn ván đạt 99,95% (*kế hoạch: 98,0%*), tương đương năm 2020 (99,5%).

+ Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 8,1% (*kế hoạch: ≤ 8,1%*), giảm 0,16 % so với năm 2020; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 12,5% (*kế hoạch 12,5%*), giảm 0,9% so với năm 2020.

+ Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét: 0,5/ 100.000 dân (*kế hoạch: ≤ 5,0/ 100.000 dân*). Tỷ lệ mắc mới bệnh phong: 0,07/ 100.000 dân, (*kế hoạch: ≤ 0,2/ 100.000 dân*).

+ Tỷ lệ mắc mới bệnh lao phổi AFB⁽⁺⁾: 20,0/ 100.000 dân (*kế hoạch: ≤ 30/ 100.000 dân*). Tỷ lệ mắc mới bệnh tâm thần phân liệt: 3,0/ 100.000 dân (*kế hoạch ≤ 10,0/ 100.000 dân*).

+ Số nhiễm HIV mới: 100, lũy kế (từ năm 1993): 1.147; số tử vong: 13, lũy kế: 491. Số hiện nhiễm HIV trong cộng đồng (*quản lý tại địa phương*): 446, đạt 0,3‰ (*kế hoạch: ≤ 0,3‰*).

- Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống một số bệnh không lây nhiễm (*tim mạch, tăng huyết áp, ung thư, đái tháo đường, rối loạn thiếu iốt*), bệnh nghề nghiệp, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính,.. được Ngành phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng tiến độ, đạt yêu cầu đề ra.

3. Đảm bảo an toàn thực phẩm

- Kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền và Ban chỉ đạo liên ngành của tỉnh ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các chiến dịch truyền thông tại cộng đồng và tăng cường vào các dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021, “Tháng hành động vì An toàn thực phẩm”, Tết Trung thu... đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, giám sát về bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Số cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống đang quản lý: 7.152 (*tuyến tỉnh: 1.071, tuyến huyện: 1.768, tuyến xã: 4.313*). Trong năm đã cấp 275 giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (*tuyến tỉnh: 103; tuyến huyện: 172*), lũy kế: 1.316/ 1.889 cơ sở, đạt 69,7%. Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra, giám sát: 4.521, số cơ sở đạt điều kiện - tiêu chuẩn an toàn thực phẩm: 4.288 (*tỷ lệ 94,8%*); xử phạt vi phạm hành chính 233 cơ sở (*tỷ lệ 5,2%*). Tiếp nhận 158 hồ sơ tự công bố sản phẩm, 01 hồ sơ công bố và 06 giấy đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Trong năm, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tập thể và không ghi nhận trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm.

4. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 Kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 trên địa bàn

tỉnh Bình Định đến năm 2030; Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến năm 2030 của tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 24/5/2021 về Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2021 của tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 1004/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 về mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 của tỉnh Bình Định; Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Duy trì tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động kế hoạch hóa gia đình, lồng ghép với thực hiện dịch vụ sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. Tiếp tục thực hiện các đề án, mô hình nâng cao chất lượng dân số: Sàng lọc trước sinh và sơ sinh; Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Số trẻ sinh ra trong năm: 16.391, tăng 163 trẻ so với năm 2020. Số người sử dụng các biện pháp tránh thai: 76,150 lượt⁽²⁾, giảm 6,26% so với năm 2020. Tỷ suất sinh thô đạt 10,74‰, giảm 0,14‰ so với năm 2020. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm 2021: 14,8%, tăng 0,52% so với năm 2020. Tỷ số giới tính của trẻ khi sinh: 110 trẻ nam/100 trẻ nữ, tương đương với năm 2020.

5. Khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh

- Số giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh: 5.150, đạt 34,6 giường/ vạn dân; trong đó, số giường bệnh kế hoạch thuộc Sở Y tế quản lý: 4.280, đạt 28,7 giường/ vạn dân (*chỉ tiêu 28,5 giường/vạn dân*). Các cơ sở điều trị tiếp tục được đầu tư nâng cấp, xây mới cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị y tế phù hợp với từng tuyến.

- Thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các cơ sở điều trị thực hiện nghiêm túc quy chế bệnh viện; tuân thủ các quy trình chuyên môn, kỹ thuật theo quy định, hướng dẫn chẩn đoán và phác đồ điều trị do Bộ Y tế ban hành; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình khám bệnh; triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế và cải thiện các điều kiện phục vụ sinh hoạt của người bệnh; chú trọng nâng cao đạo đức, tinh thần trách nhiệm và phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế, đi đôi với tăng cường phòng chống nhiễm khuẩn, vệ sinh môi trường và tạo dựng cảnh quan cơ sở y tế “xanh, sạch, đẹp” nhằm hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật theo nhu cầu của các cơ sở khám chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT của Bộ Y tế; ban hành danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

- Duy trì hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa bằng hệ thống TeleHealth (*kết nối mạng trực tuyến với các bệnh viện tuyến trên*) tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn và một số bệnh viện khác. Bệnh viện đa khoa tỉnh

² Triệt sản: 119, Đặt dụng cụ tử cung: 3.892, Thuốc cấy tránh thai: 55, Thuốc tiêm tránh thai: 9.160, Thuốc uống tránh thai: 27.339, Bao cao su: 35.585.

tăng cường tiếp nhận các kỹ thuật mới, chuyên sâu từ tuyến trên (Bệnh viện Thống nhất, Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Ung bướu - Tp. Hồ Chí Minh) theo nội dung Đề án bệnh viện vệ tinh; đồng thời tổ chức hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật cho một số đơn vị tuyến dưới của tỉnh theo đúng kế hoạch đề ra.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong khám, chữa bệnh tại các cơ sở điều trị được khuyến khích và tăng cường. Chất lượng khám chữa bệnh được duy trì và từng bước được nâng cao ở tất cả các tuyến. Công tác khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và BHYT được quan tâm và duy trì thực hiện có hiệu quả tại các cơ sở y tế.

- Công tác tự kiểm tra, phúc tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng của người bệnh được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc. Thực hiện tốt việc đánh giá định kỳ “Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp” theo Quyết định số 3088/QĐ-BYT ngày 16/7/2020 của Bộ Y tế đối với các bệnh viện; “Bộ tiêu chí phòng khám an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp” theo Quyết định số 4999/QĐ-BYT ngày 01/12/2020 của Bộ Y tế đối với các Trạm y tế và phòng khám đa khoa, chuyên khoa trên địa bàn tỉnh.

- Toàn tỉnh có 67 cơ sở xét nghiệm tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học, trong đó có 07 cơ sở tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I và 60 cơ sở tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp II. Số cơ sở xét nghiệm tự công bố mới trong năm là 03 cơ sở; do tình hình dịch bệnh COVID-19 nên đến nay Sở Y tế chỉ triển khai kiểm tra an toàn sinh học được 01 cơ sở xét nghiệm.

- Tổng số khám bệnh tại các bệnh viện thuộc tỉnh quản lý: 1.347.623 lượt, giảm 51,8% so với năm 2020; số bệnh nhân điều trị nội trú: 180.086 lượt, giảm 34,3% so với năm 2020; ngày điều trị trung bình bệnh nhân nội trú: 10,5 ngày, tăng 4,8 ngày so với năm 2020 (*do phần lớn là bệnh nhân mắc COVID-19, thời gian điều trị bệnh từ 10-20 ngày*).

6. Một số chương trình y tế, hoạt động chuyên môn khác

- Số phẫu thuật về mắt toàn tỉnh: 5.589 lượt, giảm 45% so với năm 2020; trong đó, phẫu thuật đục thủy tinh thể: 4.483 lượt. Tiếp nhận và giải quyết 797 hồ sơ giám định y khoa⁽³⁾, 731 hồ sơ giám định pháp y⁽⁴⁾.

- Thực hiện quan trắc môi trường lao động tại 60 đơn vị, với 6.228 mẫu đo; số mẫu đo không đạt tiêu chuẩn: 182, tỷ lệ 2,9%.

- Tỷ lệ hộ gia đình vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Tỷ lệ hộ gia đình vùng nông thôn sử dụng các loại nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 82,9%.

- Tiếp tục thực hiện đúng kế hoạch, đảm bảo hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế đang được triển khai tại tỉnh như: Tiếp tục thực hiện đúng kế hoạch, đảm bảo hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế đang được triển khai tại tỉnh như: dự án Phát hiện sớm bệnh vông mạc đái tháo đường tại cộng

³ Giám định khuyết tật: 461, Giám định nghỉ hưu trước tuổi: 159, Giám định nhiễm độc Dioxin: 42, Giám định tai nạn lao động: 79, Giám định các loại khác: 56.

⁴ Giám định tử thi: 368, Giám định thương tích: 312, Giám định mô bệnh học: 30, Giám định pháp y tình dục: 21.

đồng; Dự án Phát triển dịch vụ chăm sóc mắt trẻ em; Dự án Hỗ trợ người khuyết tật vận động và dự án Hỗ trợ chăm sóc phục hồi chức năng bền vững và đa chuyên ngành cho người khuyết tật nặng; Dự án Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn; phối hợp đề xuất và chuẩn bị cho việc triển khai Dự án “Hỗ trợ cải thiện chất lượng sống của người khuyết tật tại các tỉnh bị phun rải nặng chất da cam”...

- Duy trì hiệu quả các nghiên cứu ứng dụng đã thực hiện thành công và phát triển thêm một số kỹ thuật chuyên sâu vào công tác chẩn đoán và điều trị bệnh. Tổ chức nghiệm thu 14 đề tài nghiên cứu khoa học năm 2020; xét duyệt đề cương và triển khai thực hiện 10 đề tài cấp ngành trong năm 2021.

IV. NHÂN LỰC Y TẾ, THANH TRA VÀ XỬ LÝ ĐƠN THU

1. Quản lý và đào tạo nhân lực y tế

- Số bác sĩ thuộc Sở Y tế quản lý: 1.065, đạt 7,15 bác sĩ/ vạn dân, số trạm y tế có bác sĩ công tác: 159, đạt tỷ lệ 100%; trong đó, 144 trạm y tế có bác sĩ tại chỗ.

- Hoàn thành các đợt xét tuyển dụng bác sĩ, dược sĩ đại học; có 69 thí sinh trúng tuyển diện thu hút, 07 thí sinh trúng tuyển diện không thu hút. Hoàn thành kỳ thi tuyển viên chức ngành y tế, ra quyết định tuyển dụng 204 thí sinh trúng tuyển. Báo cáo, đề xuất biên chế giai đoạn 2020-2026 trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ chỉ tiêu năm 2021 cho toàn ngành: 4.234 biên chế (công chức: 66, viên chức: 1.438); lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 12.

- Cử 66 công chức, viên chức đi học nâng cao trình độ chuyên môn (chuyên khoa II: 04, chuyên khoa I: 37, thạc sĩ: 08, đại học y: 17). Các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho nhân viên y tế trong lĩnh vực dự phòng được tổ chức thường xuyên, liên tục để nâng cao nghiệp vụ, tập trung vào công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Lập thủ tục nghỉ hưu theo chế độ cho 72 người, thôi việc theo nguyện vọng cho 28 người; giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ cho 01 trường hợp theo đúng quy trình, thủ tục và phù hợp với nguyện vọng viên chức.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ hạng III lên bác sĩ hạng II năm 2021 và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp bậc lương cho 20 viên chức được xét thăng hạng.

- Thực hiện chính sách ưu đãi đối với 1.103 bác sĩ, dược sĩ đại học theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 10/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016-2021.

- Thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức đúng theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ngành Y tế đã được tặng thưởng gồm có:

+ Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng III cho 03 cá nhân.

+ Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua năm 2020 cho Sở Y tế.

+ UBND tỉnh tặng Cờ thi đua năm 2020 cho 03 đơn vị (Bệnh viện Mắt, Chi

cục An toàn thực phẩm, TTYT thị xã Hoài Nhơn); tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” cho 54 tập thể; tặng Bằng khen cho 17 tập thể và 64 cá nhân; tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” cho 02 cá nhân.

+ Sở Y tế tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho 255 tập thể, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho 218 cá nhân; tặng Giấy khen cho 204 tập thể, 1.375 cá nhân. Khen thưởng chuyên đề cải cách hành chính cho 03 tập thể, 16 cá nhân. Khen thưởng đột xuất 110 tập thể, 612 cá nhân về thành tích phòng, chống dịch COVID-19.

+ Thi hành kỷ luật 09 viên chức (01 buộc thôi việc, 08 khiển trách).

2. Về thanh tra y tế và tiếp nhận, xử lý đơn thư

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, kinh doanh thuốc, sản xuất chế biến và kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống tại 288 lượt cơ sở; xử lý 38 lượt cơ sở vi phạm với số tiền 142.500.000đ.

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người; thực hiện Nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” tại 06 cơ sở kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về thực hiện và thu phí test nhanh COVID-19 tại 10 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế thường trực, cấp cứu tại 11 đơn vị trực thuộc; thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong tiếp công dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; thực hiện các kiến nghị thanh tra, kiểm toán tại 02 đơn vị trực thuộc.

- Thanh tra, kiểm tra việc quản lý, phân phối, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất dùng làm thuốc trong y tế tại TTYT thị xã An Nhơn và Bệnh viện Phong-Da liễu Trung ương Quy Hòa.

- Phối hợp tham gia kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và chấp hành các quy định phòng chống dịch COVID-19 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp nhận và kịp thời xử lý 18 đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị theo đúng quy định.

V. QUẢN LÝ DƯỢC, XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ TRANG THIẾT BỊ

1. Quản lý dược và trang thiết bị y tế

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý dược và mỹ phẩm. Chỉ đạo các cơ sở y tế ưu tiên sử dụng thuốc generic, thuốc sản xuất trong nước, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả; tăng cường theo dõi và kịp thời báo cáo về phản ứng có hại, tác dụng phụ của thuốc trong quá trình sử dụng.

- Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc tại các cơ sở điều trị và cơ sở bán lẻ.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đấu thầu theo các hình thức tập trung và không tập trung cấp địa phương. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, hóa chất, vắc xin, sinh phẩm y tế có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh,

chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại các cơ sở y tế công lập.

- Tổ chức phổ biến, tập huấn và hướng dẫn về đấu thầu mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất; thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu mua thuốc; kế hoạch lựa chọn nhà thầu vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế cho các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định hiện hành. Theo dõi kết quả thực hiện đấu thầu tập trung cấp Quốc gia, hướng dẫn đơn vị điều chuyển thuốc, mua sắm các thuốc thuộc Danh mục đấu thầu cấp Quốc gia chưa có kế hoạch đấu thầu cho năm 2021.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát các cơ sở y tế triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về quản lý và sử dụng thuốc, vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị,...; nhất là việc thực hiện các quy chế quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất dùng làm thuốc tại các cơ sở điều trị và cơ sở kinh doanh bán lẻ; kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế.

- Thực hiện tốt công tác hậu cần, cung ứng kịp thời và đầy đủ thuốc, vật tư, hóa chất,... cho phòng chống dịch bệnh, nhất là dịch COVID-19; xử lý môi trường sau ngập, lụt do mưa bão.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh tăng cường quản lý chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên thị trường.

- Hướng dẫn, kiểm tra các bệnh viện, cơ sở y tế có tiêm chủng triển khai thực hiện việc bảo quản thuốc theo nguyên tắc “Thực hành tốt bảo quản thuốc - GSP” theo quy định của Bộ Y tế và tiến tới tuân thủ GSP cho kho dược của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh theo đúng lộ trình quy định.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kết nối liên thông với “Cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia” đối với 100% nhà thuốc, quầy thuốc và cơ sở bán buôn thuốc.

- Triển khai đầy đủ các thủ tục hành chính liên quan lĩnh vực dược, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế, hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 về quản lý trang thiết bị y tế theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (2 thủ tục) mức độ 4 (77 thủ tục) hành chính liên quan lĩnh vực dược và khám bệnh, chữa bệnh; kết quả có 1.032 hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 được giải quyết.

2. Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị

Trên cơ sở các nguồn vốn năm 2021 được giao cho Ngành theo kế hoạch là 52.520 triệu đồng⁵⁰, Sở Y tế đã triển khai như sau:

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, đã ký kết hợp đồng và triển khai thi công các công trình: Mở rộng TTYT huyện Hoài Nhơn - Khu điều trị bệnh nhân và các

⁵⁰ Bao gồm các nguồn kinh phí: Vốn kinh phí sự nghiệp y tế và dân số: 8.000 triệu đồng; Vốn kinh phí sự nghiệp y tế được phép kéo dài: 505 triệu đồng; Vốn xổ số kiến thiết: 5.000 triệu đồng, Vốn xổ số kiến thiết được phép kéo dài: 21.739 triệu đồng, Vốn cấp quyền sử dụng đất: 8.000 triệu đồng, Vốn Ngân hàng thương mại tài trợ kéo dài: 8.393 triệu đồng, Vốn tài trợ từ tập đoàn Vingroup kéo dài: 83 triệu đồng, vốn chuẩn bị đầu tư: 800 triệu đồng.

hạng mục phụ trợ - Hệ thống khí y tế; Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa phụ sản, khoa nhi, khoa xét nghiệm cũ thành đơn nguyên cấp cứu nhi và nhi sơ sinh, Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa hồi sức cấp cứu thành khu hồi tỉnh sau mổ và hành lang chính; Trung tâm Y tế huyện Vân Canh, hạng mục: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Nhà điều trị Nội - Nhi và Nhà Xét nghiệm - Xquang; Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân - Hạng mục Khu khám - Hành chính; Bệnh viện Lao và bệnh phổi - hạng mục: Sửa chữa, cải tạo khoa Lao, khoa Bệnh phổi và khoa Chẩn đoán hình ảnh - Xét nghiệm; Bệnh viện Mắt - Hạng mục: Mở rộng Bệnh viện Mắt Bình Định (giai đoạn 1).

- Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và trình phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Dự án Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn, hạng mục Khoa Truyền nhiễm.

- Quyết toán các dự án hoàn thành đã được bàn giao đưa vào sử dụng hạng mục: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa Khám - Cấp cứu thành Khoa Nội tổng hợp của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn; các hạng mục Sửa chữa, cải tạo Nhà vệ sinh của TTYT huyện Tây Sơn và Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn; Hạng mục Xây dựng mới Phòng khám đa khoa khu vực Cát Minh - TTYT huyện Phù Cát.

- Báo cáo nhu cầu điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công các công trình đã được phân bổ trong năm 2021; tổng hợp rà soát đăng ký kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và đăng ký kế hoạch vốn phân bổ năm 2022.

VI. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH Y TẾ

- Kịp thời phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản, chính sách của nhà nước về quản lý tài chính trong toàn ngành.

- Lập và phân bổ kinh phí năm 2021 phù hợp cho từng lĩnh vực, từng tuyến, từng đơn vị; tập trung và ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cấp cho y tế dự phòng, y tế tuyến cơ sở, các vùng khó khăn. Công khai dự toán kinh phí năm 2021, xét duyệt quyết toán năm 2020 nghiêm túc, đúng quy định.

- Tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, thu - chi tài chính đúng theo định mức, tiêu chuẩn hiện hành; đi đôi với tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí, chỉ bố trí chi kinh phí triển khai các nhiệm vụ công tác thực sự cần thiết, cấp bách; thực hiện lồng ghép với hoạt động của các chương trình, dự án có liên quan. Thực hiện quy trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả.

- Bảo đảm đủ kinh phí cho các cơ sở y tế thực hiện chi hỗ trợ một số chế độ thực thanh thực chi trong khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, người lang thang, cơ nhỡ, gặp khó khăn đột xuất... Thường xuyên giám sát, kiểm tra các đơn vị trực thuộc việc thực hiện thu giá dịch vụ y tế theo đúng quy định.

- Tổ chức tốt việc quản lý công sản trong toàn ngành; thực hiện nghiêm túc Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; phối hợp chặt chẽ với liên ngành để xác định hiện trạng tài sản công trước khi sửa chữa, điều chuyển, thanh lý....

- Thường xuyên tổng hợp các nguồn viện trợ đưa vào cân đối nguồn lực chung của toàn ngành; tăng cường quản lý và sử dụng viện trợ y tế theo quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc triển khai cập nhập dữ liệu vào hệ thống quản lý chi ngân sách tiền lương vào cổng dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chỉ đạo, đôn đốc các bệnh viện tuyến tỉnh, TTYT tuyến huyện triển khai sử dụng hóa đơn điện tử và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, nhằm giảm thời gian chờ đợi, tăng sự hài lòng cho bệnh nhân khi thanh toán, giảm nhân lực thu ngân, đảm bảo quản lý tài chính chính xác và chặt chẽ.

- Trình UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí thực hiện theo quỹ tiền lương năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt và cấp bổ sung kinh phí chi hoạt động thường xuyên cho Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi 6 tháng cuối năm khi chuyển thành cơ sở điều trị, cách ly người bệnh COVID-19.

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu trình UBND phê duyệt, cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ chi trả tiền lương do ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với các đơn vị điều trị; chi trả chế độ đặc thù và chi hỗ trợ cho viên chức nhân viên y tế của các đơn vị tham gia công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 ngành Y tế; điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 hết nhiệm vụ chi; thảo luận dự toán năm 2022; lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2022-2024 ngành Y tế.

- Triển khai thực hiện báo cáo định kỳ lĩnh vực tài chính trên hệ thống phần mềm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

VII. THÔNG TIN VÀ THÔNG KÊ Y TẾ

- Kịp thời phổ biến, hướng dẫn trong toàn Ngành triển khai thực hiện các văn bản của Chính phủ, Bộ Y tế, liên Bộ và các bộ ngành có liên quan đến lĩnh vực y tế. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về quyền lợi, nghĩa vụ của người dân khi tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế, chính sách bảo hiểm y tế, giá dịch vụ y tế,...

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về nghiệp vụ thống kê, báo cáo và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin, số liệu. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo số liệu, thông tin y tế định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan cấp trên.

- Phối hợp với Viettel Bình Định, VNPT Bình Định tiếp tục triển khai xây dựng, phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và chuyên môn của Ngành. Hiện nay đã đưa vào sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế; gồm có: phần mềm Quản lý khám chữa bệnh (His) tại các bệnh viện, TTYT; phần mềm Quản lý y tế cơ sở, phần mềm Quản lý hồ sơ sức khỏe công dân tại các trạm y tế; phần mềm Quản lý xét nghiệm (RIS-LIS), Quản lý chẩn đoán hình ảnh (PACS) tại một số bệnh viện; phần mềm Quản lý dược và vật tư y tế tại các nhà thuốc,...

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. ƯU ĐIỂM

- Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đã triển khai thực hiện đúng theo sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; các biện pháp phòng, chống dịch được triển khai quyết liệt, kịp thời, phù hợp và hiệu quả, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và ổn định đời sống của nhân dân. Công tác y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật được chú trọng và tăng cường. Các loại dịch bệnh được kịp thời xử lý ngăn chặn, hạn chế tối đa số người mắc và tử vong. Chương trình mục tiêu quốc gia y tế - dân số và các chương trình, dự án y tế khác được tổ chức triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Mạng lưới y tế toàn tỉnh tiếp tục được kiện toàn và phát triển theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao.

- Các cơ sở y tế tiếp tục được xây mới, nâng cấp, sửa chữa ngày càng khang trang; các trang thiết bị hiện đại và thông thường tiếp tục được bổ sung phù hợp với từng tuyến để đảm bảo việc thực hiện công tác chuyên môn.

- Chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc người bệnh ngày càng cao; thực hiện thành công nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu trong chẩn đoán và điều trị, cứu sống nhiều ca bệnh hiểm nghèo.

- Tinh thần trách nhiệm, đạo đức, phong cách và thái độ phục vụ của viên chức, nhân viên y tế có nhiều chuyển biến tích cực, văn minh và thân thiện hơn với người bệnh; góp phần nâng cao mức độ hài lòng, tin tưởng của người bệnh và nhân dân đối với ngành Y tế.

- Công tác đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải y tế, tạo dựng cảnh quan “xanh, sạch, đẹp” trong các cơ sở y tế từng bước cải thiện.

- Công tác quản lý nhà nước về dược và trang thiết bị y tế tiếp tục được củng cố; hoạt động đấu thầu và cung ứng thuốc, vaccin, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ trang bị phòng chống dịch COVID-19... cho các cơ sở y tế công lập đảm bảo kịp thời và tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính, thanh tra y tế và quản lý hành nghề y, dược tư nhân được chú trọng và đẩy mạnh. Tiếp nhận và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, y tế dự phòng, khám chữa bệnh có nhiều tiến bộ rõ rệt, là động lực quan trọng cho sự phát triển của Ngành.

(Chi tiết kết quả hoạt động năm 2021 tại Phụ lục đính kèm)

II. TỒN TẠI, THÁCH THỨC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, thách thức

- Dịch bệnh COVID-19 là đại dịch nguy hiểm, chưa hề có tiền lệ trong 100 năm qua; đã lan rộng trên toàn thế giới và làm hàng triệu người tử vong. Các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 trên toàn cầu, của quốc gia và tại địa phương vừa phải dựa vào cơ sở khoa học, vừa phải dựa vào thực tiễn, kinh nghiệm để triển khai do vậy gây rất nhiều khó khăn.

- Dịch bệnh diễn biến phức tạp khó lường, có những lúc bùng lên dữ dội tại nhiều địa phương trong cả nước gây thiếu hụt nghiêm trọng nguồn cung dẫn đến việc mua sắm rất khó khăn. Hầu hết các hóa chất, sinh phẩm đều là hàng nhập khẩu nên gây khan hiếm vào những thời điểm nhất định dẫn đến mua sắm khó khăn. Giá hàng hóa phòng, chống dịch biến đổi thất thường tùy thuộc vào sự có sẵn của nguồn cung trong khi nhu cầu lại rất cấp bách nên buộc phải mua theo giá thị trường vào từng thời điểm dẫn đến giá cao, thấp rất thất thường (trong khi đó Chính phủ chưa đưa những mặt hàng thiết yếu phục vụ phòng, chống dịch vào mặt hàng kiểm soát giá và bình ổn giá).

- Các bệnh truyền nhiễm gây dịch nguy hiểm khác luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra dịch, nhất là bệnh sốt xuất huyết tỷ lệ mắc bệnh còn cao. Các bệnh không lây nhiễm (như ung thư, đái đường, tim mạch, tăng huyết áp,...) ngày càng gia tăng kết hợp với già hóa dân số, biến đổi khí hậu làm tăng gánh nặng bệnh tật.

- Nhiều cơ sở y tế còn thiếu bác sĩ và nhân lực có trình độ cao, nhất là ở tuyến huyện và các bệnh viện chuyên khoa, gây ảnh hưởng đến việc triển khai các kỹ thuật chuyên môn và cung ứng dịch vụ y tế của đơn vị.

- Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế tại một số cơ sở y tế bị xuống cấp, lạc hậu; các bệnh viện thường xuyên quá tải nên chưa đáp ứng được yêu cầu về nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân và phát triển các dịch vụ y tế.

- Từng nơi, từng lúc vẫn còn một số ít viên chức, nhân viên y tế thực hiện quy tắc giao tiếp, ứng xử và tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh chưa tốt.

- Cơ cấu giá dịch vụ y tế chưa tính đầy đủ các khoản chi phí (như: quản lý, khấu hao tài sản, đào tạo, công nghệ thông tin...) hoặc chưa được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế (như: tiền lương và phụ cấp, hóa chất, vật tư tiêu hao, điện, nước, xử lý chất thải), gây ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên của cơ sở y tế.

- Các quy định về thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế nhiều bất cập; đặc biệt phần chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế vượt dự toán từ các năm trước đến nay vẫn chưa được Bảo hiểm xã hội thanh quyết toán, gây ảnh hưởng nhiều đến khả năng cân bằng tài chính của các cơ sở khám chữa bệnh.

- Chương trình mục tiêu quốc gia dân số - y tế giai đoạn 2016 - 2020 đã kết thúc và từ năm 2021 dừng triển khai, nên việc thực hiện các hoạt động y tế - dân số gặp nhiều khó khăn, nhất là y tế dự phòng và phòng chống một số bệnh xã hội.

2. Nguyên nhân

- Dịch bệnh diễn ra nhanh, phức tạp trên diện rộng có số người mắc COVID-19 tăng nên đơn vị không chủ động trong việc mua sắm. Thông tin các mặt hàng vật tư y tế, trang thiết bị về giá cả, quyết định trúng thầu công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế chưa được đầy đủ, thiếu thông tin. Giá thị trường trong giai đoạn dịch bùng phát luôn biến động tăng cao. Số lượng vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm y tế theo nhu cầu sử dụng đột biến, gây khó khăn trong việc mua sắm cho đơn vị.

- Mô hình bệnh tật có sự thay đổi do tác động của biến đổi khí hậu, già hóa dân số và ô nhiễm môi trường, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày

càng cao; trong khi điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn những hạn chế nhất định nên kinh phí đầu tư cho các hoạt động y tế - dân số chưa đáp ứng đủ so với yêu cầu của ngành Y tế.

- Một số cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp chưa thật sự quan tâm đúng mức, tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với ngành Y tế để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động y tế - dân số tại địa bàn.

- Chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với công chức, viên chức y tế chưa phù hợp. Giá dịch vụ y tế vẫn chưa được tính đúng và tính đủ theo lộ trình Chính phủ đã đề ra.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản dưới luật quy định về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực y tế - dân số còn nhiều bất cập nên việc triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ gặp khó khăn, hiệu quả không cao.

- Nhu cầu về khám chữa bệnh của người dân ngày càng cao, giá dịch vụ y tế có sự điều chỉnh tăng, các kỹ thuật cao được thực hiện tại tuyến y tế cơ sở ngày càng nhiều... là sự mâu thuẫn giữa khả năng cân đối quỹ BHYT và quyền lợi của người tham gia BHYT.

Phần 2

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2022

I. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Số giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh/ vạn dân (<i>bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc bộ - ngành, không tính trạm y tế</i>)	Giường	$\geq 35,0$
	Trong đó, giường bệnh kế hoạch thuộc tỉnh quản lý	Giường	$\geq 29,5$
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	$\geq 95,0$
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc	%	100
4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế (giai đoạn 2011-2020)	%	100
5	Mức sinh thay thế (<i>bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh để có từ 2,0 con đến 2,2 con</i>)		Duy trì
6	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/ tuổi)	%	$\leq 7,8$
7	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	$\geq 98,0$
8	Số nhân lực y tế thuộc tỉnh quản lý (trên 10.000 dân)	Người	$\geq 41,0$
9	Tỷ lệ trạm y tế có hộ sinh / y sĩ sản nhi	%	$\geq 96,0$
10	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai tính trên 100 bé gái)	Bé trai	$\leq 110,0$
11	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	Bà mẹ	$\leq 25,0$

12	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/ tuổi)	%	≤ 12,2
13	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ các loại vaccin	%	≥ 98,0
14	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 3 lần trong 3 kỳ thai	%	≥ 98,0
15	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế, được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	≥ 99,0
16	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đầy đủ vaccin phòng bệnh uốn ván	%	≥ 98,0
17	Ngày điều trị trung bình của 01 bệnh nhân nội trú	Ngày	≤ 7,0
18	Tỷ lệ bệnh nhân được khám, chữa bệnh y học cổ truyền	%	≥ 15,0
19	Tỷ lệ mắc bệnh phong (tính trên dân số)	/100.000	≤ 0,2
20	Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét (tính trên dân số)	/100.000	≤ 5,0
21	Tỷ lệ mắc bệnh sốt xuất huyết (tính trên dân số)	/100.000	≤ 200,0
22	Tỷ lệ mắc lao phổi AFB ⁽⁺⁾ (tính trên dân số)	/100.000	≤ 30,0
23	Tỷ lệ mắc mới bệnh tâm thần phân liệt (tính trên dân số)	/100.000	≤ 10,0
24	Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng (tính trên dân số)	‰	≤ 0,3
25	Tỷ lệ cơ sở SXKD, dịch vụ thực phẩm qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn VSTP	%	≥ 92,0
26	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100
27	Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	≥ 75,0

II. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát huy vai trò chủ đạo của ngành Y tế, tăng cường sự phối hợp của các sở, ngành, địa phương, đoàn thể và huy động toàn xã hội tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và chính quyền, đoàn thể các địa phương để quán triệt, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng và Nhà nước; trước mắt và trọng tâm là triển khai thực hiện có hiệu quả:

+ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19;

+ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới;

+ Quyết định số 3825/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh;

+ Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Các địa phương và các sở, ngành thường xuyên quán triệt, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế - dân số và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe như môi trường, thể dục, thể thao, văn hóa... vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Phân công trách nhiệm cụ thể và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu, giải pháp để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Sở Y tế thực hiện tốt vai trò tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh trong việc xây dựng, ban hành các quyết định, kế hoạch, chương trình, ... phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, để hiện thực hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực y tế - dân số tại địa phương. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ của ngành y tế về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế - dân số và các lĩnh vực khác liên quan tới sức khỏe nhân dân.

- Không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đẩy mạnh các phong trào thi đua, các cuộc vận động có nội dung liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tạo các điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội, tôn giáo, đoàn thể và huy động toàn xã hội tích cực hưởng ứng, tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đúng theo quy định của pháp luật.

2. Nâng cao sức khỏe nhân dân

- Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe, tầm vóc người dân. Quan tâm các điều kiện để mỗi người dân được bảo vệ, nâng cao sức khỏe; nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, ven biển, hải đảo.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế, giảm chênh lệch giới tính khi sinh. Chú trọng công tác sàng lọc trước sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Khuyến nghị, phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng, nguồn nguyên liệu. Triển khai các chương trình: Chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày vàng đầu đời; Giám sát và bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi, người cao tuổi.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra việc công bố thành phần, năng lượng và cảnh báo về sức khỏe trên bao bì của sản phẩm, thực phẩm đóng gói. Thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc.

- Bảo đảm hậu cần, cung cấp đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Triển khai các giải pháp nhằm hạn chế tai biến sản khoa, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em. Tăng cường phối hợp liên ngành thực hiện các can thiệp về vệ sinh và dinh dưỡng nhằm giảm bền vững tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng.

- Tăng cường giáo dục thể chất, tâm lý trong các trường học, kết hợp với tập luyện ngoài nhà trường. Tăng cường công tác y tế học đường gắn với công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, sinh viên; đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, thay đổi

hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý gắn với rèn luyện sức khỏe bản thân.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu tới sức khỏe. Bảo đảm người dân được tiếp cận, sử dụng nguồn nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe; phòng, chống tai nạn, thương tích, cháy, nổ, bệnh nghề nghiệp, bạo lực, bạo hành gia đình.

3. Nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh, kiểm soát bệnh tật; gắn với tiếp tục đổi mới và phát triển y tế cơ sở

- Bảo đảm an ninh y tế; chuẩn bị sẵn sàng và kịp thời ứng phó với các tình huống khẩn cấp để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng mở rộng.

- Chú trọng nhiệm vụ y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật; nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật. Chủ động và tích cực triển khai các giải pháp để phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh COVID-19 và các loại dịch bệnh; không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng, hạn chế tối đa số người tử vong do dịch bệnh.

- Tổ chức tốt việc lập hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân. Tăng cường công tác quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện đồng bộ các hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế,...

- Phát triển mô hình chăm sóc sức khỏe tại nhà, bác sĩ gia đình; mở rộng việc quản lý các bệnh mạn tính và chú trọng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng ưu tiên tại cộng đồng, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, ven biển, hải đảo.

4. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và cung ứng dịch vụ y tế

- Tiếp tục kiện toàn và phát triển hệ thống các cơ sở khám chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh từ tỉnh đến cơ sở, bên cạnh hệ thống các bệnh viện trực thuộc trung ương và các bộ, ngành đứng chân trên địa bàn.

- Phát huy vai trò chủ đạo của các bệnh viện công lập trong việc cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng, đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm: nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục tình trạng quá tải bệnh nhân; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ và nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của nhân viên y tế; xây dựng bệnh viện, cơ sở y tế “xanh - sạch - đẹp” an toàn và văn minh, hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Triển khai thực hiện các giải pháp phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp với y học hiện đại. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe;

kết hợp quân - dân y trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh cho nhân dân.

- Thực hiện lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh; lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám, chữa bệnh trong và ngoài tỉnh theo kế hoạch của Bộ Y tế, gắn với nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế và có chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ y tế ngay tại tuyến dưới.

- Phát triển các bệnh viện vệ tinh tại tỉnh; tăng cường hoạt động hợp tác và tiếp nhận kỹ thuật y tế chuyên sâu từ các bệnh viện tuyến trên về tỉnh. Đẩy mạnh công tác đào tạo, luân phiên cán bộ y tế và chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến tỉnh về cho các đơn vị y tế tuyến cơ sở.

- Phát triển đồng bộ, tạo môi trường bình đẳng cả về hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và ngoài công lập.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong cung ứng dịch vụ y tế; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh mạng, an toàn dữ liệu trong quản lý bệnh viện, xây dựng bệnh án điện tử, giám định và thanh toán dịch vụ y tế, ...; tiến tới kết nối đồng bộ các dữ liệu lâm sàng, cận lâm sàng trong hồ sơ bệnh án, triển khai khám bệnh, chữa bệnh từ xa giữa các cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh.

5. Tăng cường quản lý dược và thiết bị y tế

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, hóa chất phục vụ công tác khám, chữa bệnh, phòng chống dịch và dự phòng. Đẩy mạnh công tác dược lâm sàng, chống kháng thuốc. Kiểm soát chặt chẽ tình hình mua bán, sử dụng các loại thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng và các loại hàng hóa có nguy cơ gây hại cho sức khỏe.

- Thực hiện tốt công tác đấu thầu thuốc tập trung và không tập trung cấp tỉnh bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch, nhằm mua sắm thuốc, thiết bị, hóa chất, vật tư y tế có chất lượng với chi phí hợp lý; kiểm soát chặt chẽ quy trình mua sắm, chống thất thoát, lãng phí. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để truy xuất nguồn gốc thuốc, chấn chỉnh tình trạng bán thuốc không theo đơn.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra công tác mua sắm, quản lý và sử dụng trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế. Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 về quản lý trang thiết bị y tế theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền. Hỗ trợ phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hóa các bài thuốc y học cổ truyền.

6. Phát triển nhân lực và ứng dụng khoa học - công nghệ về y tế

- Đa dạng hóa các loại hình và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế, nâng cao năng lực đào tạo thực hành cho các cơ sở y tế trong tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý. Thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và hiệu quả công tác sát hạch, tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; đi đôi với thường xuyên đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn và tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế.

- Đảm bảo phân bổ, sử dụng nhân lực y tế tại các đơn vị trực thuộc đúng

quy định và đạt hiệu quả.

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của nhân viên y tế; các hành vi xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách của tỉnh về việc thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ đại học giai đoạn sau 2021 khi đã được sự phê duyệt của HĐND và UBND tỉnh để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tỉnh.

- Thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức đối với bác sĩ, dược sĩ đại học theo nhu cầu thu hút của tỉnh năm 2022; tuyển dụng viên chức đối với các bác sĩ đào tạo tại các cơ sở ngoài công lập năm 2022 và tuyển dụng viên chức ngành y tế năm 2022.

- Tiếp tục thực hiện chính sách của tỉnh để khuyến khích, thu hút và ưu đãi đối với người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao,...

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của nhân viên y tế; các hành vi xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến giữa các tuyến, các cơ sở y tế theo nhu cầu thực tế.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến giữa các tuyến, các cơ sở y tế theo nhu cầu thực tế.

7. Tăng cường tài chính y tế

- Tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí ngân sách cho y tế, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng.

- Thực hiện nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu; khám bệnh, chữa bệnh do bảo hiểm y tế và người dân chi trả. Chăm sóc sức khỏe ban đầu do bảo hiểm y tế, người dân và ngân sách nhà nước cùng chi trả; bảo hiểm y tế của người lao động do người sử dụng lao động và người lao động cùng chi trả; ngân sách nhà nước bảo đảm cho một số đối tượng chính sách.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Gói dịch vụ y tế cơ bản do bảo hiểm y tế chi trả và Gói dịch vụ y tế cơ bản do nhà nước chi trả; đồng thời huy động các nguồn lực để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe người dân.

- Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Thực hiện tốt cơ chế giá dịch vụ và cơ chế đồng chi trả phù hợp nhằm khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến dưới và các cơ sở y tế ở tuyến trên tập trung cung cấp các dịch vụ mà tuyến dưới chưa bảo đảm được.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư cho y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công – tư; bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, mở rộng và nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở cung ứng dịch vụ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Từng bước chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế theo kế hoạch, tiến độ của Chính phủ.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế quản lý giá dịch vụ gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới. Nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh cho người nghèo và các đối tượng chính sách.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Nâng cao năng lực, chất lượng giám định bảo hiểm y tế bảo đảm khách quan, minh bạch, chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, cơ sở y tế.

8. Nâng cao hiệu lực quản lý và phát triển hệ thống y tế

- Tiếp tục đổi mới, kiện toàn, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả. Trình đề nghị HĐND phê duyệt, ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết của HĐND tỉnh về Đề án phát triển hệ thống y tế cơ sở tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025.

- Bảo đảm sự chỉ đạo xuyên suốt của Sở Y tế về chuyên môn, nghiệp vụ và sự quan tâm, lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở.

- Tiếp tục kiện toàn và từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng kế hoạch và đảm bảo tiến độ thực hiện đầu tư công trung hạn, dài hạn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục triển khai các dự án, công trình y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí vốn và cho chủ trương đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng một số khoa/phòng tại các bệnh viện, cơ sở y tế để đảm bảo điều kiện phục vụ khám bệnh, chữa bệnh, dự phòng và mở rộng cung ứng các dịch vụ y tế cho người dân.

- Cùng với việc đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng, tăng giường bệnh kế hoạch theo lộ trình; tiếp tục đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị y tế nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai và phát triển chuyên môn kỹ thuật tại các bệnh viện phù hợp với khả năng và phân tuyến kỹ thuật được phê duyệt.

- Khuyến khích phát triển hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận; tăng tỷ trọng giường bệnh của khu vực y tế ngoài công lập; tăng các dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định đạt chuẩn do khu vực y tế ngoài công lập cung cấp..

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực thi pháp

luật nghiêm minh; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả hoạt động trong toàn Ngành.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường tự động hóa, số hóa trong quản lý, cung cấp các dịch vụ y tế nhằm giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành y tế.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quy định, quyết định, kế hoạch đổi mới cơ chế, tổ chức triển khai thực hiện các luật, nghị định về lĩnh vực y tế - dân số cho phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương.

- Tiếp tục rà soát đánh giá một số tồn tại, bất cập về giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến cung ứng dịch vụ y tế và đề xuất các giải pháp thực hiện.

- Duy trì các mối quan hệ hợp tác quốc tế về y tế đang hoạt động có hiệu quả và tăng cường mở rộng các quan hệ hợp tác theo đúng pháp luật.

Phần 3 **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

I. ĐỐI VỚI BỘ Y TẾ

- Tham mưu Quốc hội, Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2022-2025; Sửa đổi Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Luật Bảo hiểm y tế, ban hành Luật Dân số. Tăng ngân sách từ Trung ương hỗ trợ về cho tỉnh để thực hiện nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở y tế huyện, xã.

- Có biện pháp quản lý giá trang thiết bị y tế, vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm y tế và thuốc phục vụ cho công tác phòng chống dịch một cách chặt chẽ hơn; công khai minh bạch rõ ràng hơn trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (các trang thiết bị đã công khai giá cần phải có đầy đủ các thông tin chi tiết về thông số kỹ thuật kèm theo).

- Đấu thầu tập trung cấp quốc gia các thuốc điều trị và các vật tư y tế, Sinh phẩm phục vụ công tác phòng chống dịch COVID-19.

- Phối hợp Bộ Nội vụ và các bộ liên quan sớm ban hành văn bản thay thế Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước (*đã bãi bỏ theo Thông tư số 28/2020/TT-BYT của Bộ Y tế*), để phù hợp với sự thay đổi về cơ cấu tổ chức và nhu cầu hoạt động các đơn vị sự nghiệp y tế giai đoạn hiện nay.

- Phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các bộ liên quan sớm ban hành chính sách thu hút, ưu đãi và chế độ đặc thù đối với đội ngũ nhân lực y tế công tác, làm việc tại tuyến y tế cơ sở (huyện, xã) và lĩnh vực y tế dự phòng.

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ liên quan sớm thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; tiếp tục bổ sung các khoản chi phí về quản lý, khấu hao tài sản, đào tạo, công nghệ thông tin... vào cơ cấu giá dịch vụ y tế; đồng thời xem xét điều chỉnh cơ cấu giá dịch vụ y tế để phù hợp với nhu cầu thực tế (như: tiền lương và phụ cấp, hóa chất và vật tư tiêu hao, điện, nước, xử lý chất thải).

II. ĐỐI VỚI HĐND VÀ UBND TỈNH

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương phối hợp chặt chẽ hơn nữa nhằm đảm bảo hiệu quả công tác phòng chống dịch COVID-19, đảm bảo “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” của tỉnh Bình Định.

- Quan tâm tăng chi ngân sách nhà nước cho ngành Y tế để đảm bảo các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với công tác y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật, dân số và kế hoạch hóa gia đình, xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở và đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế, vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 được chủ động và hiệu quả hơn và chi trả kịp thời chế độ bồi dưỡng cho người tham gia công tác phòng chống dịch.

- Tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng các công trình của ngành Y tế đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và mua sắm trang thiết bị y tế; đảm bảo vốn đối ứng của tỉnh để triển khai thực hiện các dự án ODA, NGO về lĩnh vực y tế - dân số tại tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng, Thanh tra Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

(báo cáo)

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng

**TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ NĂM 2021**

T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Kết quả	
				Thực hiện	So với kế hoạch
	Chỉ tiêu UBND tỉnh giao (tại Quyết định 66/QĐ-UBND ngày 06/01/2021)				
1	Giường bệnh kế hoạch/ vạn dân (gồm các cơ sở thuộc bộ, ngành; không tính trạm y tế)	Giường	≥ 35,0	34,6	Không đạt
	Trđó, GBKH thuộc tỉnh quản lý/ vạn dân	Giường	28,5	28,7	Đạt
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	≥ 94,0	95,5	Đạt
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc	%	100	100	Đạt
4	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế (giai đoạn 2011-2020)	%	100	100	Đạt
5	Mức sinh thay thế (mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,0 - 2,2 con)		Duy trì	Duy trì	Đạt
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/ tuổi)	%	≤ 8,1	8,1	Đạt
Chỉ tiêu phấn đấu của ngành Y tế					
1	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95,0	98,0	Đạt
2	Nhân lực y tế thuộc tỉnh quản lý (trên vạn dân)	Người	≥ 40,0	40,5	Đạt
3	Tỷ lệ trạm y tế có hộ sinh / y sĩ sản nhi	%	≥ 96,0	96	Đạt
4	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai tính trên 100 bé gái)	Bé trai	≤112,0	110,0	Đạt
5	Số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống)	Bà mẹ	≤ 25,0	22,4	Đạt
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/ tuổi)	%	≤ 12,5	12,5	Đạt
7	Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi tiêm chủng đủ các loại vắc xin thuộc chương trình TCMR	%	≥ 98,0	98,0	Đạt
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ thai nghén	%	≥ 98,0	99,0	Đạt
9	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế, được nhân viên y tế đã qua đào tạo hỗ trợ, chăm sóc	%	≥ 99,0	99,6	Đạt
10	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được tiêm đủ liều vắc xin phòng bệnh uốn ván	%	≥ 98,0	99,9	Đạt
11	Ngày điều trị trung bình của 01 bệnh nhân nội trú	Ngày	≤ 7,0	10,5	Không đạt

12	Tỷ lệ bệnh nhân khám, chữa bệnh bằng YHCT hoặc kết hợp YHCT với YHHĐ	%	$\geq 15,0$	12,0	<i>Không đạt</i>
13	Tỷ lệ mắc mới bệnh phong (trên dân số)	/100.000	$\leq 0,2$	0,07	Đạt
14	Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét (trên dân số)	/100.000	$\leq 5,0$	0,5	Đạt
15	Tỷ lệ mắc bệnh sốt xuất huyết (trên dân số)	/100.000	≤ 400	63,0	Đạt
16	Tỷ lệ mắc mới bệnh lao phổi AFB ⁽⁺⁾ (trên dân số)	/100.000	$\leq 30,0$	20,0	Đạt
17	Tỷ lệ mắc mới bệnh tâm thần phân liệt (trên dân số)	/100.000	$\leq 10,0$	3,0	Đạt
18	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (trên dân số)	‰	$\leq 0,3$	0,3	Đạt
19	Tỷ lệ cơ sở SXKD thực phẩm, dịch vụ ăn uống qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn	%	$\geq 92,0$	94,8	Đạt
20	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt
21	Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	$\geq 75,0$	76,5	Đạt